TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2023
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn N; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn GP, xã XV, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Tr; sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố TĐ, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2023, bản tự khai tại hồ sơ và tại phiên tòa anh Phan Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn N kết hôn với chị Võ Thị Tr trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và đăng ký kết hôn vào

22/02/2013 tại UBND xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau được được 1 năm thì nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 04 năm 2014 đến nay. Anh Phan Văn N xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Võ Hà M, sinh ngày 17/8/2013, từ khi vợ chồng ly thân đến nay con sống chung với chị Tr; nếu ly hôn anh N có nguyện vọng để cho chị Võ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Anh Phan Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Võ Thị Tr theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án đã phối hợp với chính quyền địa phương thị trấn Đức Thọ trực tiếp đến nhà tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho chị Võ Thị Tr, nhưng chị Tr không hợp tác, không ký nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 25/4/2023 chị Tr vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay chị Võ Thị Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do; anh Phan Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Tr vắng mặt không có lý do là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Phan Văn N được ly hôn chị Võ Thị Tr.

Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ vào Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Phan Võ Hà M, sinh ngày 17/8/2013 cho chị Võ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn N không cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr.

Về tài sản và nợ chung: Anh Phan Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Phan Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữa nguyên đơn anh PhanVăn N, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn GP, xã XV, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh và bi đơn chị Võ Thị Tr, sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố TĐ, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác, nhưng chị Võ Thị Tr không có mặt tại Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Ngày 25 tháng 04 năm 2023 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, chị Võ Thị Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Võ Thị Tr vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Võ Thị Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn N kết hôn với chị Võ Thị Tr trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị lừa dối hay ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 20/02/2013. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của anh N chị Tr do UBND xã Xuân Viên cấp và anh N giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh N chị Tr hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau được 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng mà không có sự quan tâm nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Tr để tham gia các buổi làm việc, hòa

giải, phiên tòa nhưng chị Tr đều vắng mặt chứng tỏ chị Tr không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Phan Văn N ly hôn chị Võ Thị Tr theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Võ Hà M, sinh ngày 17/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trực tiếp đến nhà chị Tr để lấy lời khai của cháu My nhưng chị Tr không hợp tác, không cho cháu My trình bày ý kiến, đồng thời Tòa án đã đến trường học của cháu M để làm việc, qua làm việc với thầy Lê Hữu Đ hiệu trưởng trường tiểu học Đức Yên, thầy Đ đã trực tiếp liên lạc với chị Tr trao đổi về việc Tòa án đến làm việc với cháu M nhưng chị Tr không đồng ý cho Tòa án làm việc với cháu M nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu M được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn N có nguyện vọng giao con lại cho chị Võ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay cháu M ở cùng với chị Tr và ông bà ngoại tại tổ dân phố TĐ, thị trấn ĐT, huyện ĐT, chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đảm bảo điều kiện sống và học tập cho cháu phát triển bình thường nên giao cháu M cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có cơ sơ theo quy định tại Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh Phan Văn N và chị Võ Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phan Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phan Văn N và chị Võ Thị Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận cho anh Phan Văn N ly hôn chị Võ Thị Tr.

2. Giao con chung Phan Võ Hà M, sinh ngày 17/8/2013 cho chị Võ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Anh Phan Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh N đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013149 ngày 21/02/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Anh Phan Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Võ Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS huyện Đức Thọ;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Toà án tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Xuân Viên;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Trọng